

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUY HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **63/2024/DS-ST**

Ngày: **16 – 8 - 2024**

*“V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA, TỈNH PHÚ YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Uyên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Công Hạnh và ông Huỳnh Khắc Hiếu.

Thư ký phiên tòa: Ông Võ Đức Vũ Tài – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hưng – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 107/2023/TLST-DS ngày 16/6/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2024/QĐXXST-DS ngày 17/6/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 58/2024/QĐST-DS ngày 05/7/2024, Thông báo thay đổi thời gian mở lại phiên tòa ngày 26/7/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Kim T, sinh năm 1965; Địa chỉ: C T, Phường D, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

*Đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Tuấn N, sinh năm 1991, địa chỉ liên hệ: C N, Phường G, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

- Bị đơn:

+ Bà Trần Thị Hồng V; sinh năm 1968; Địa chỉ: B N, Phường E, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

+ Ông Trần Văn P, sinh năm 1959, Địa chỉ: B N, Phường E, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn bà Phạm Kim T và người đại diện theo uỷ quyền ông Nguyễn Tuấn N thống nhất trình bày: Qua làm ăn, bà T có quen biết với bà Trần Thị Hồng V là chủ hộ kinh doanh Phích Vân; địa chỉ B N, Phường E, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Trong thời gian mua bán kinh doanh bà V có vay mượn tiền của bà T nhiều lần, nhiều khoản và có trả lãi và gốc. Trong thời gian vay, các bên có thoả thuận lãi

suất, bà V có trả lãi nhưng không đầy đủ. Từ tháng 10/2022 đến nay, bà V không trả lãi và gốc cho bà T.

Ngày 22/7/2019 (Ngày 20/6/2019 Âm lịch theo giấy nhận nợ), bà V có chốt lại số nợ là 1.450.000.000 đồng và 300.000.0000 đồng tiền mua đậu đỏ, tổng số tiền là 1.750.000.000 đồng (Một tỷ bảy trăm năm mươi triệu đồng) và hứa sẽ trả cho bà T nhưng bà V không trả. Mục đích vay tiền để làm ăn kinh doanh, buôn bán. Bà T nhiều lần đến nhà bà V tại B N, Phường E, thành phố T để yêu cầu trả nợ nhưng bà V không trả, chồng bà V có biết và chứng kiến việc bà T đến đòi nợ.

Khi bà T khởi kiện tại Toà án, bà V biết có đến nhà bà T để nói chuyện nhưng không có thiện chí trả nợ. Do đó, bà T yêu cầu Toà án giải quyết buộc bà V, ông P trả số nợ là 1.750.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật, thời gian tính lãi kể từ ngày Toà án thụ lý đơn khởi kiện của bà cho đến khi bà V trả nợ xong. Những khoản lãi trước đây bà không yêu cầu.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà T khẳng định người giao kết trong giấy nhận nợ là bà Trần Thị Hồng V (Là chủ hộ kinh doanh Phích Vân tại địa chỉ B N, Phường E, thành phố T, Phú Yên). Bà T cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật. Sau đó, nguyên đơn có yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết của bà V để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

*Bị đơn V vắng mặt nên không có lời trình bày:

*Bị đơn Phích vắng mặt nên không có trình bày.

Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ và hòa giải để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng bị đơn Trần Thị Hồng V, Trần Văn P vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được. Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết văn bản tố tụng của Tòa theo quy định pháp luật.

Tại biên bản xác minh ngày 21/8/2023 tại Công an P1, thành phố T xác định bà Trần Thị Hồng V, sinh năm 1968 có đăng ký thường trú tại địa chỉ B N, Phường E, thành phố T, Phú Yên. Ông Trần Văn P là chồng bà V cùng thường trú và sinh sống tại địa chỉ trên.

Tại Kết luận giám định số 209/KL-KTHS ngày 27/5/2024 của Phòng K Công an tỉnh P kết luận các chữ ký, chữ viết tại các mẫu giám định và mẫu so sánh do cùng một người viết ra.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu buộc bị đơn Trần Thị Hồng V, Trần Văn P phải trả số tiền 1.750.000.000 đồng và lãi tính từ ngày thụ lý vụ án ngày 16/6/2023 cho đến khi bị đơn trả nợ xong.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật. Bị đơn Trần Thị Hồng V, Trần Văn P vắng mặt phải chịu hậu quả pháp lý theo quy định của pháp luật. Về

việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 357; Điều 463; Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn Trần Thị Hồng V có nghĩa vụ phải trả số nợ gốc 1.750.000.000 đồng và lãi vay theo quy định pháp luật là 10%/năm, thời gian tính lãi từ ngày thụ lý vụ án ngày 16/6/2023 cho đến khi trả hết nợ. Không chấp nhận yêu cầu bị đơn Trần Văn P phải liên đới chịu trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn. Do đó, đề nghị HĐXX xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn Phạm Thị Kim T khởi kiện yêu cầu bị đơn Trần Thị Hồng V, Trần Văn P trả nợ. Xét đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn Trần Thị Hồng V, Trần Văn P có địa chỉ tại B N, Phường E, thành phố T tỉnh Phú Yên. Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa giải quyết theo thẩm quyền quy định tại khoản 3, Điều 26, điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tòa án triệu tập hợp lệ các đương sự tham gia phiên tòa. Tuy nhiên, bị đơn Trần Thị Hồng V, Trần Văn P vắng mặt không rõ lý do tại phiên tòa mở lần hai. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Trần Thị Hồng V, Trần Văn P theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn Trần Thị Hồng V, Trần Văn P trả nợ đối với số tiền gốc 1.450.000.000 đồng theo giấy đề ngày 22/7/2019 (nhằm ngày 20/6/2019 Âm lịch theo giấy nhận nợ) và số tiền 300.000.0000 đồng (Giấy nợ ngày 14/3/2019). Tổng số tiền là 1.750.000.000 đồng (Một tỷ bảy trăm năm mươi triệu đồng).

[4] Về thủ tục tố tụng: Tuy trong giấy mượn tiền không thể hiện rõ họ tên, địa chỉ của người vay nhưng tại đơn khởi kiện, bà T đã cung cấp đầy đủ tên, địa chỉ của bị đơn. Toà án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ, niêm yết các văn bản tố tụng của toà án. Trong quá trình tố tụng, tại ngày 18/7/2023 tại nhà bà Trần Thị Hồng V, Văn phòng T1 đã tổng đạt các văn bản tố tụng gồm có Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải cho chồng bà V là ông Trần Văn P. Ông P cam đoan giao lại cho người được thông báo. Tại biên bản xác minh ngày 21/8/2023, tại Công an P1, thành phố T xác định bà Trần Thị Hồng V là vợ của ông Trần Văn P, cùng thường trú và sinh sống tại địa chỉ B N, Phường E, thành phố T, Phú Yên. Như vậy, xác định các văn bản tố tụng của Toà án đã được tổng đạt hợp lệ cho bà Trần Thị Hồng V. Tuy nhiên, bà V không đến Toà làm việc, trình bày liên quan đến nội dung vụ việc, có hay không việc vay mượn tiền giữa bà V và bà T. Do bà V vắng mặt, không chấp hành theo giấy triệu tập của Toà án, không có văn bản trình bày cũng như không trực tiếp đến toà trình bày, ông P chồng bà V báo bị bệnh đang điều trị tại S nhưng cũng không cung cấp các giấy tờ chứng minh nên việc cho rằng bà V phải chữa bệnh tại thành phố Hồ Chí Minh không phải là lý do để trì hoãn, không chấp hành

theo giấy triệu tập của Toà án. Do đó, bà V phải chịu hậu quả pháp lý vì sự vắng mặt của mình.

[5] Nguyên đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu ông P (Chồng bà V) cùng phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà T. Ông P được Toà án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng với tư cách là bị đơn nhưng vắng mặt tại phiên toà mở lần 2 nên cũng phải chịu trách nhiệm pháp lý về sự vắng mặt của mình.

[6] Xét về tính hợp lệ, hợp pháp của giấy tờ gốc ngày 22/7/2019 (nhằm ngày 20/6/2019 Âm lịch) có nội dung: “Vân nợ T 1.450.000.000 đồng (Một tỷ bốn trăm năm chục triệu đồng), ký tên “V”. Và giấy tờ gốc ngày 14/3/2019 có nội dung: “V nợ Thuý tiền đầu đở 300.000.000 đồng”, ký tên “V”. Xét đây là hợp đồng vay không có ngày trả nợ, không thoả thuận trả lãi nên là Hợp đồng vay không kỳ hạn quy định tại Điều 469 BLDS năm 2015.

[7] Trong các giấy tờ gốc nguyên đơn cung cấp chứng minh cho việc bị đơn V mượn tiền đều có nội dung: “*Vân nợ T...ký tên V*”. Ngoài ra không có thông tin nào khác về tên họ đầy đủ, địa chỉ của bị đơn. Tại biên bản xác minh ngày 21/8/2023 tại Công an P1, thành phố T xác định bà Trần Thị Hồng V, sinh năm 1968 có đăng ký thường trú tại địa chỉ B N, Phường E, thành phố T, Phú Yên. Ông Trần Văn P là chồng bà V cùng thường trú và sinh sống tại địa chỉ trên. Nguyên đơn yêu cầu giám định chữ ký chữ viết của bị đơn V, cung cấp các tài liệu làm mẫu so sánh. Tại bản kết luận giám định ngày 27/5/2024 của Phòng K Công an tỉnh P xác định các chữ ký, chữ viết tại mẫu giám định và mẫu so sánh do cùng một người viết và ký ra. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn V phải trả số tiền nợ gốc là 1.750.000.000 đồng.

[8] Nguyên đơn yêu cầu ông Trần Văn P là chồng của bị đơn phải trả nợ. Theo các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp thì toàn bộ giấy mượn tiền là bà V viết và ký tên, ông P không ký vào các giấy tờ này. Nguyên đơn cho rằng khi đến nhà thì đều có hai vợ chồng ông P, bà V ở nhà. Nhưng bị đơn V, P đều vắng mặt, không đến trình bày trước Toà, không có lời khai tại Toà nên không có cơ sở xác định ông P phải có nghĩa vụ chung đối với khoản nợ này. Do đó, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc bị đơn P phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ đối với số tiền 1.750.000.000 đồng này cho nguyên đơn.

[9] Lãi suất đối với số tiền 1.750.000.000 đồng: Như phân tích ở trên, đây là Hợp đồng vay không có kỳ hạn, không thoả thuận trả lãi. Nguyên đơn yêu cầu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS là 10%. Thời gian tính lãi nguyên đơn yêu cầu tính từ ngày thụ lý ngày 16/6/2023 xét yêu cầu là tự nguyện nên chấp nhận. Căn cứ khoản 1 Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 thì lãi đối với số nợ 1.750.000.000 đồng được tính cụ thể như sau:

[10] Lãi trên nợ gốc quá hạn (Từ ngày 16/6/2023 đến ngày 16/8/2024) = $1.750.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} (0,83\%/\text{tháng}) \times 1 \text{ năm } 2 \text{ tháng} = 175.000.000đ + 29.167.000 \text{ đồng} = 204.167.000 \text{ đồng}$. Như vậy số tiền gốc và lãi bị đơn Trần Thị Hồng V có trách nhiệm phải trả cho nguyên đơn bà Phạm Thị Kim T tính đến ngày xét xử sơ thẩm 16/8/2024 là 1.954.167.000 đồng trong đó nợ gốc là 1.750.000.000 đồng, nợ lãi trên nợ gốc quá hạn là 204.167.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[11] Về chi phí giám định: Chi phí giám định chữ ký, chữ viết là 4.860.000đ (*Bốn triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng*), nguyên đơn bà Phạm Thị Kim T đã tạm ứng chi phí tố tụng trên nên bị đơn bà Trần Thị Hồng V có trách nhiệm trả cho nguyên đơn T số tiền 4.860.000đ.

[12] Nguyên đơn Phạm Thị Kim T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn lại cho nguyên đơn Thuý tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp. Bị đơn Trần Thị Hồng V phải chịu án phí dân sự theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Các Điều 357; Điều 463; Điều 466, Điều 468 và Điều 469, Điều 161 Bộ luật Dân sự 2015; khoản 1 Điều 5, Điều 6, Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/1/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Kim T, buộc bị đơn bà Trần Thị Hồng V phải trả cho nguyên đơn số tiền 1.954.167.000 đồng (*Một tỷ, chín trăm năm mươi bốn triệu, một trăm sáu bảy nghìn đồng*) trong đó nợ gốc là 1.750.000.000 đồng (*Một tỷ bảy trăm năm mươi triệu đồng*), nợ lãi trên nợ gốc quá hạn là 204.167.000 đồng (*Hai trăm lẻ bốn triệu, một trăm sáu bảy nghìn đồng*). Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Phạm Thị Kim T về việc buộc bị đơn Trần Văn P phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ chung với bị đơn Trần Thị Hồng V đối với khoản nợ 1.954.167.000 đồng vì không có căn cứ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Bị đơn bà Trần Thị Hồng V phải chịu 70.625.010 đồng (*Bảy mươi triệu, sáu trăm hai mươi lăm nghìn, không trăm mười đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. H lại cho nguyên đơn Phạm Thị Kim T số tiền 32.578.000 đồng (*Ba mươi hai triệu, năm trăm bảy mươi tám nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu tiền số 0009775 ngày 15/6/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuy Hoà, Phú Yên.

Về chi phí giám định chữ ký, chữ viết: Bị đơn bà Trần Thị Hồng V có trách nhiệm trả cho nguyên đơn bà Phạm Thị Kim T số tiền 4.860.000đ (*Bốn triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng*) chi phí giám định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND TP. Tuy Hòa;
- Chi cục THADS TP. Tuy Hòa;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Ngọc Uyên